| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Luân

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Nguyễn Minh Vũ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Mỹ C**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ C trình bày và yêu cầu:*

Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T xây dựng hôn nhân vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống và làm việc tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân

khoảng 05 năm. Nay bà Phạm Thị Mỹ Ckhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ  yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/02/1996 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 18/8/2001. Hiện tại 02 con đã trưởng thành nên việc các con mong muốn sống cùng ai thì do các con quyết định.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Chi yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

**Tại bản tự khai đề ngày 09/6/2023 bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Tôi thống nhất với trình bày của bà Phạm Thị Mỹ C về quá trình tạo lập hôn nhân, về con chung. Tôi xác định giữa tôi và bà C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ C thì tôi có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà C; Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/02/1996 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 18/8/2001. Hiện tại 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Và yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T; Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị C có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/02/1996 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 18/8/2001. Hiện tại 02 con đã trưởng thành, hai con phát triển bình thường và không thuộc trường hợp cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Bà Phạm Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T; bị đơn ông Lê Văn T đang cư trú tại ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Phạm Thị Mỹ C, ông Lê Văn T đều có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà C và ông T.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tại công văn số 29/UBND-HT ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã N xác nhận "Sổ bộ kết hôn đang lưu tại xã N từ năm 1995 đến nay không tìm thấy tên bà Phạm Thị Mỹ C, sinh năm 1972 kết hôn với ông Lê Văn T, sinh năm 1976", vì vậy hôn nhân giữa bà C và ông T không được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/02/1996 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 18/8/2001. Nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ C phải nộp án phí không có giá ngạch. Ông Lê Văn T không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ C và ông Lê Văn T có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/02/1996 và Lê Thị Chúc L, sinh ngày 18/8/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Mỹ C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004102 ngày 12/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Bà Phạm Thị Mỹ C đã nộp đủ.

**5.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6.** Án xử công khai sơ thẩm Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THÀNH LUÂN**